

Phụ lục:
KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN THỰC HIỆN ĐỀ ÁN
“NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC THI HIỆP ĐỊNH VỀ ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP VỆ SINH DỊCH TỄ
VÀ KIỂM DỊCH ĐỘNG, THỰC VẬT (SPS) CỦA TỔ CHỨC THƯƠNG MẠI THẾ GIỚI
VÀ CAM KẾT SPS TRONG KHUÔN KHỔ CÁC HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO”
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNN-CCPT ngày tháng năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
I	TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN				
1	Triển khai, hướng dẫn triển khai, tổ chức kiểm tra, đánh giá, tổng kết việc triển khai, thực hiện để kịp thời điều chỉnh, khắc phục những tồn tại, hạn chế (nếu có); sơ kết, tổng kết kết quả thực hiện Đề án.	Văn phòng SPS Việt Nam	- Các Cục, Vụ, Viện có liên quan thuộc Bộ NN&PTNT; - UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW	Hàng năm Năm 2027 Năm 2030	Báo cáo tình hình triển khai, kết quả triển khai hàng năm các dự án, nhiệm vụ thuộc Đề án Hội nghị Sơ kết thực hiện Đề án Hội nghị Tổng kết thực hiện Đề án
II	NÂNG CAO NHẬN THỨC CHO CÁC ĐỐI TƯỢNG LIÊN QUAN VỀ SPS				
1	Xây dựng Kế hoạch thông tin, truyền thông về Đề án	Văn phòng Bộ Nông nghiệp và PTNT	- Trung tâm chuyển đổi số và Thống kê nông nghiệp; - Các cơ báo chí, truyền thông.	Hàng năm (2025 - 2030)	Xây dựng kế hoạch thực hiện chi tiết, bao gồm: - Các tin, bài viết, phóng sự chuyên đề về Đề án đăng tải trên các báo, đài; - Sản xuất và đăng tải các video, clip, phóng sự truyền hình, phát thanh. - Chuyên trang trên Cổng thông tin của Bộ (mard.gov.vn) - Tổ chức họp báo/Thông cáo báo chí... định kỳ và đột xuất

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
2	<p>Tổ chức thực hiện thông tin, truyền thông đa phương tiện về các hoạt động của Đề án trên Báo Nông nghiệp Việt Nam tới độc giả trong nước và quốc tế bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức diễn đàn trực tiếp - trực tuyến; - Chuyên trang trên báo in, báo điện tử; báo tiếng Anh (vietnamagriculture.nongnghiep.vn) - Các bài viết, phóng sự chuyên đề về Đề án; - Emagazine trên báo điện tử; - Tọa đàm (talk) truyền hình, phát thanh; <p>Sản xuất và đăng tải các video, clip, phóng sự truyền hình, phát thanh</p>	Báo Nông nghiệp Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Văn phòng SPS Việt Nam; - Các cơ quan, đơn vị liên quan 	Hàng năm (2025 - 2030)	<p>Xây dựng kế hoạch thực hiện chi tiết, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức diễn đàn trực tiếp - trực tuyến; - Chuyên trang trên báo in, báo điện tử; báo tiếng Anh (vietnamagriculture.nongnghiep.vn) - Các bài viết, phóng sự chuyên đề về Đề án; - Emagazine trên báo điện tử; - Tọa đàm (talk) truyền hình, phát thanh; - Sản xuất và đăng tải các video, clip, phóng sự truyền hình, phát thanh...
3	<p>Xuất bản chuyên đề: An toàn thực phẩm và an toàn dịch bệnh động, thực vật trong thương mại nông sản</p>	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Văn phòng SPS Việt Nam, các cơ quan, đơn vị liên quan	Định kỳ 6 tháng 1 số (2025 - 2030)	<p>Tổ chức được ít nhất: 100 bài báo, 80 tin, trong đó có các bài phỏng vấn, ý kiến trao đổi.</p>
4	<p>Tổ chức thực hiện truyền thông nâng cao nhận thức về năng lực của Việt Nam trong việc thực thi các nghĩa vụ đối với Hiệp định SPS của WTO và các cam kết SPS trong các Hiệp định thương mại tự do</p>	Văn phòng SPS Việt Nam	Các cơ quan thông tấn, truyền thông	2025 - 2030	<p>Tổ chức được ít nhất 30 tọa đàm, đối thoại chính sách, 300 tin bài đăng trên các cơ quan thông tấn, truyền thông; Ít nhất 20 tiêu phẩm để tuyên truyền về SPS trên các nền tảng tiktok, YouTube, Facebook; Xây dựng bộ nhận diện Văn phòng SPS Việt Nam và truyền thông đến cộng đồng Doanh nghiệp.</p>

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
5	Tổ chức các hội thi tuyên truyền về an toàn thực phẩm và an toàn dịch bệnh động, thực vật.	Trung tâm Khuyến nông Quốc gia	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2025 - 2030	Mỗi năm tổ chức được ít nhất 1-2 hội thi
6	Tổ chức các hội nghị, hội thảo, tập huấn, cập nhật các quy định SPS, các quy định pháp luật có liên quan:				
6.1	Quy định SPS của thị trường theo các FTA	Văn phòng SPS Việt Nam	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2025 - 2030	Mỗi năm tổ chức được ít nhất 4-5 hội nghị, hội thảo, tập huấn ... Tập trung vào các thị trường trọng điểm, các FTA.
6.2	Đối với các sản phẩm có nguồn gốc thực vật	Cục Bảo vệ thực vật	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2025 - 2030	Mỗi năm tổ chức được ít nhất 1-2 hội nghị, hội thảo, tập huấn... Tập trung vào các thị trường trọng điểm, các FTA.
6.3	Đối với các sản phẩm có nguồn gốc động vật	Cục Thú y	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2025 - 2030	Mỗi năm tổ chức được ít nhất 1-2 hội nghị, hội thảo, tập huấn... Tập trung vào các thị trường trọng điểm, các FTA.
6.4	Đối với các sản phẩm thủy sản	Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2025 - 2030	Mỗi năm tổ chức được ít nhất 1-2 hội nghị, hội thảo, tập huấn... Tập trung vào các thị trường trọng điểm, các FTA.
6.5	Phổ biến về chuyển đổi số trong quản lý ATTP và an toàn dịch bệnh động, thực vật; quản lý mã số vùng trồng, vùng nuôi	Trung tâm chuyển đổi số và Thống kê nông nghiệp	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2025 - 2030	Mỗi năm tổ chức được ít nhất 1-2 hội nghị, hội thảo, tập huấn. Tập trung vào các thị trường trọng điểm, các FTA.
6.6	Tập huấn các quy định về SPS cho các tổ khuyến nông cộng đồng	Trung tâm Khuyến nông Quốc gia	Trường Chính sách công và PTNT; Các cơ	2025 - 2030	Mỗi năm tổ chức được ít nhất 4-5 lớp tập huấn

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
			quan, đơn vị liên quan		
6.7	Phổ biến các mô hình nuôi trồng thủy sản an toàn, sản xuất giống thủy sản an toàn đáp ứng yêu cầu của thị trường	Cục Kinh tế hợp tác	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2025 - 2030	Mỗi năm tổ chức được ít nhất 1-2 hội nghị, hội thảo, tập huấn... Tập trung vào các thị trường trọng điểm, các FTA đã ký
6.8	Phổ biến các mô hình nuôi trồng thủy sản an toàn, sản xuất giống thủy sản an toàn đáp ứng yêu cầu của thị trường	Cục Thủy sản	Trường Chính sách công và PTNT; Các cơ quan, đơn vị liên quan	2025 - 2030	Mỗi năm tổ chức được ít nhất 4-5 hội nghị, hội thảo, tập huấn...; Đăng tải ít nhất 80 tin, bài viết trên chuyên mục “Vệ sinh an toàn thực phẩm” trên trang thông tin điện tử của Cục Thủy sản.
6.9	Phổ biến các mô hình chăn nuôi an toàn sinh học, đáp ứng yêu cầu của thị trường	Cục Chăn nuôi	Trường Chính sách công và PTNT; Các cơ quan, đơn vị liên quan	2025 - 2030	Mỗi năm tổ chức được ít nhất 2-3 hội nghị, hội thảo, tập huấn... Tập trung vào các thị trường trọng điểm, các FTA.
6.10	Phổ biến giáo dục pháp luật văn bản quy phạm pháp luật mới; Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực nông nghiệp	Vụ pháp chế	Trường Chính sách công và PTNT; Các cơ quan, đơn vị liên quan	2025 - 2030	Mỗi năm tổ chức được ít nhất 4-5 hội nghị, hội thảo, tập huấn... Tập trung vào các thị trường trọng điểm, các FTA.
6.11	Nâng cao nhận thức, năng lực về an toàn thực phẩm và an toàn dịch bệnh động vật, thực vật cho các chủ thể tham gia chuỗi sản xuất, chế biến, kinh doanh, tiêu dùng (HTX, Doanh nghiệp, nông dân, người tiêu dùng...)	Trung tâm Khuyến nông Quốc gia	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2025 - 2030	- Tài liệu TOT, TOF. - Mỗi năm tổ chức được ít nhất 10 khóa tập huấn.
6.12	Tập huấn TOT về hướng dẫn nhận diện và biện pháp quản lý một số đối tượng kiểm	Viện Cây ăn quả miền Nam	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2025 - 2030	Tổ chức 10 lớp tập huấn TOT, đối tượng: sầu riêng, thanh long, xoài,

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
	dịch thực vật trên cây ăn quả chủ lực tương ứng cho từng thị trường xuất khẩu tại các tỉnh phía Nam				bưởi, chanh leo tương ứng cho từng thị trường xuất khẩu (Trung Quốc, Châu Âu, Hoa Kỳ, Hàn Quốc) tại các vùng trồng tập trung (30-40 người tham dự/lớp)
7	Biên soạn tài liệu chuyên môn hướng dẫn về đáp ứng các biện pháp SPS theo từng nhóm thị trường, cụ thể:				Các mặt hàng và thị trường trọng điểm tương ứng được xây dựng sơ tay/cảm nang hướng dẫn tuân thủ các biện pháp SPS (Đến năm 2025: Đảm bảo 80%; Đến năm 2030: Đảm bảo: 100%). Tài liệu được cập nhật, sửa đổi phù hợp với thay đổi của thị trường.
7.1	Đối với các sản phẩm có nguồn gốc thực vật	Cục Bảo vệ thực vật	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2025 - 2030	Sơ tay hướng dẫn đáp ứng quy định SPS theo từng sản phẩm hoặc từng nhóm thị trường trọng điểm, hoặc theo các FTA
7.2	Đối với các sản phẩm có nguồn gốc động vật	Cục Thú y	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2025 - 2030	Sơ tay hướng dẫn đáp ứng quy định SPS theo từng sản phẩm hoặc từng nhóm thị trường trọng điểm, hoặc theo các FTA
7.3	Đối với các sản phẩm thủy sản	Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2025 - 2030	Sơ tay hướng dẫn đáp ứng quy định SPS theo từng sản phẩm hoặc từng nhóm thị trường trọng điểm, hoặc theo các FTA
7.4	Đối với các sản phẩm từ lâm sản ngoài gỗ, như: các loại nấm, côn trùng,	Cục Lâm nghiệp	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2025 - 2030	Sơ tay hướng dẫn đáp ứng quy định SPS theo từng sản phẩm hoặc từng nhóm thị trường trọng điểm, hoặc theo các FTA

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
8	Nâng cao hiệu quả hoạt động Bản tin SPS Việt Nam theo hướng cung cấp kịp thời các thông tin SPS đến các đối tượng có liên quan và các giải pháp thích ứng	Văn phòng SPS Việt Nam	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm (2025 - 2030)	Xuất bản Bản tin SPS Việt Nam hàng tháng; cập nhật kịp thời các quy định SPS của thị trường nhập khẩu
9	Xây dựng giáo trình và đưa nội dung đào tạo về SPS trong thương mại và các nội dung kỹ thuật về SPS và các vấn đề liên quan vào các chương trình đào tạo:				
9.1	Nghiên cứu xây dựng giáo trình và đưa nội dung đào tạo về SPS trong thương mại và các nội dung kỹ thuật về SPS vào chương trình giảng dạy chuyên ngành về Bảo vệ thực vật, Chăn nuôi, Thú y, Thủy sản, Chế biến...	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm (2025 - 2030)	Ít nhất 10 giáo trình; rà soát bổ sung nội dung liên quan đến SPS của ít nhất 5 chương trình đào tạo: Bảo vệ thực vật, Chăn nuôi, Thú y, Thủy sản, Chế biến...
9.2	Xây dựng và triển khai thực hiện chương trình đào tạo, tập huấn nâng cao chất lượng nguồn nhân lực theo lĩnh vực tăng trưởng xanh	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Các trường đại học, học viện, viện nghiên cứu	2025-2030	- Khung chương trình đào tạo và bồi dưỡng về kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu của vị trí việc làm liên quan tới nghiệp vụ tăng trưởng xanh trong lĩnh vực nông nghiệp; Biên soạn bộ tài liệu liên quan.
9.3	Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu thực hiện chuyển đổi số trong nông nghiệp, nông thôn	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Các trường đại học, học viện, viện nghiên cứu	2025-2030	- Báo cáo đánh giá hiện trạng nguồn nhân lực nông nghiệp nông thôn; - 35 lớp (5 lớp/vùng sinh thái * 7 vùng sinh thái) (mỗi lớp khoảng 100 người)
9.4	Xây dựng các chương trình, tài liệu và tổ chức bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm liên quan đến nghiệp vụ quản lý an toàn thực phẩm, kiểm dịch động, thực vật cho công	Trường Cán bộ quản lý nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm (2025 - 2030)	- 6 Chương trình, tài liệu bồi dưỡng; - 50 lớp/năm

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
	chức, viên chức liên quan thuộc Bộ/ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn				
10	Nâng cao kiến thức chuyên môn và năng lực thực thi SPS cho cán bộ làm công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm nghiệm, kiểm dịch và các đối tượng liên quan	Các Cục: Bảo vệ Thực vật; Thú y; Thủy sản; Chăn nuôi; Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường (theo chức năng, nhiệm vụ được giao)	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm (2025 - 2030)	- Tài liệu, chương trình tập huấn cho cán bộ địa phương về an toàn thực phẩm - Mỗi đơn vị tổ chức được ít nhất 01 lớp tập huấn/năm
11	Xây dựng Cổng thông tin điện tử quốc gia về SPS, cập nhật cơ sở dữ liệu về các dự thảo thông báo, cảnh báo và cập nhật các biện pháp SPS theo từng ngành hàng và theo từng thị trường	Văn phòng SPS Việt Nam	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2025	- Hoàn thành cổng thông tin điện tử về SPS (năm 2025) - Cập nhật ngành hàng, thị trường, dữ liệu SPS hàng tháng... (từ 2025-2030) và tương tác với các bên liên quan
12	Xuất bản tài liệu tuyên truyền bằng tiếng Việt và ngôn ngữ dân tộc thiểu số (tờ gấp, sách mỏng, sách nói) hướng dẫn về đáp ứng các biện pháp SPS trong trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản	Trung tâm Khuyến nông Quốc gia	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2025 - 2030	Xuất bản ít nhất 10 ấn phẩm
III	TIẾP TỤC HOÀN THIỆN HỆ THỐNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT				
1	Rà soát, hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật trong nước, đặc biệt là các văn bản ngành nông nghiệp nhằm hoàn thiện, cũng như kiến nghị sửa đổi, bổ sung (nếu có)	Vụ Pháp chế	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hàng năm (2025 - 2030)	- Báo cáo rà soát và danh mục hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật; - Đề xuất, kiến nghị sửa đổi (nếu có)

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
2	Tổ chức triển khai đối với việc theo dõi thi hành pháp luật từ trung ương đến địa phương	Vụ Pháp chế	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hàng năm (2025 - 2030)	- Kế hoạch triển khai đối với việc theo dõi thi hành pháp luật; - Báo cáo giám sát và đánh giá về việc thi hành pháp luật
3	Xây dựng các chính sách, chương trình, kế hoạch dài hạn để khuyến khích việc sử dụng sản phẩm hữu cơ	Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hàng năm (2025 - 2030)	Các chương trình, kế hoạch triển khai các hoạt động liên quan được phê duyệt và triển khai thực hiện
4	Xây dựng các chính sách, chương trình, kế hoạch dài hạn để khuyến khích việc trồng, sử dụng và bảo tồn các nòi, giống thuần chủng, bản địa và phương pháp canh tác hữu cơ nhằm bảo vệ sự cân bằng, an toàn sinh thái và phát triển bền vững đối với các sản phẩm trồng trọt	Cục Trồng trọt	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hàng năm (2025 - 2030)	Các chương trình, kế hoạch triển khai các hoạt động liên quan được phê duyệt và triển khai thực hiện
5	Xây dựng các chính sách, chương trình, kế hoạch dài hạn để khuyến khích việc nuôi trồng, sử dụng và bảo tồn các nòi, giống thuần chủng, bản địa và phương pháp nuôi trồng thủy sản hữu cơ nhằm bảo vệ sự cân bằng, an toàn sinh thái và phát triển bền vững đối với các sản phẩm thủy sản	Cục Thủy sản	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hàng năm (2025 - 2030)	Các chương trình, kế hoạch triển khai các hoạt động liên quan được phê duyệt và triển khai thực hiện
6	Xây dựng các chính sách, chương trình, kế hoạch dài hạn để khuyến khích việc chăn nuôi, sử dụng và bảo tồn các nòi, giống thuần chủng, bản địa và phương pháp chăn nuôi hữu cơ nhằm bảo vệ sự cân bằng, an toàn sinh thái và phát triển bền vững đối với các sản phẩm chăn nuôi	Cục Chăn nuôi	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hàng năm (2025 - 2030)	Các chương trình, kế hoạch triển khai các hoạt động liên quan được phê duyệt và triển khai thực hiện

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
7	Xây dựng các chính sách, chương trình, kế hoạch dài hạn kiểm soát các sản phẩm biến đổi gen, các chất có hại cho sức khỏe con người, sức khỏe động, thực vật, hệ sinh thái và môi trường	Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hàng năm (2025 - 2030)	Các chương trình, kế hoạch triển khai các hoạt động liên quan được phê duyệt và triển khai thực hiện
IV	TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ RỦI RO ĐỐI VỚI CÁC MỐI NGUY MẤT AN TOÀN THỰC PHẨM, SINH VẬT GÂY HẠI VÀ DỊCH BỆNH				
1	Đánh giá hiện trạng nguồn nhân lực, cán bộ quản lý, kỹ thuật, thanh kiểm tra về an toàn thực phẩm và an toàn dịch bệnh động, thực vật và hiện trạng hạ tầng kỹ thuật, hệ thống phòng thí nghiệm, các tổ chức đánh giá sự phù hợp của các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đơn vị do Bộ Nông nghiệp và Nông thôn ủy quyền (các Trạm kiểm dịch động vật cửa khẩu trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh) và các phòng được chỉ định	Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường	Vụ Tổ chức cán bộ và các Cục chuyên ngành có liên quan phối hợp.	2025 - 2026	Báo cáo đánh giá hiện trạng nguồn nhân lực, cán bộ quản lý, kỹ thuật, thanh kiểm tra về an toàn thực phẩm và an toàn dịch bệnh động, thực vật và hiện trạng hạ tầng kỹ thuật, hệ thống phòng thí nghiệm, các tổ chức đánh giá sự phù hợp của các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các phòng được chỉ định làm cơ sở để xây dựng chương trình đào tạo nguồn nhân lực
2	Đánh giá mức độ chuẩn hóa của hệ thống quy định của Việt Nam theo tiêu chuẩn, khuyến nghị quốc tế Codex, WOH, IPPC và mức độ các kiểm định tương đương của Việt Nam đáp ứng quy định SPS của các thị trường trọng điểm	Các Cục: Bảo vệ Thực vật; Thú y; Chăn nuôi; Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường (theo chức năng, nhiệm vụ được giao)	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2025 - 2026	Báo cáo đánh giá mức độ chuẩn hóa của hệ thống quy định của Việt Nam theo tiêu chuẩn, khuyến nghị quốc tế và mức độ các kiểm định tương đương của Việt Nam đáp ứng quy định SPS của các thị trường trọng điểm

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
3	Phân tích nguy cơ dịch hại/dịch bệnh để có biện pháp xử lý và giảm thiểu tác động của việc xâm nhiễm và bùng phát dịch bệnh qua việc nhập khẩu giống cây trồng, vật nuôi, vi sinh vật và sản phẩm sinh học sử dụng trong trồng trọt và chăn nuôi.	Các Cục: Bảo vệ Thực vật; Thú y; Chăn nuôi (theo chức năng, nhiệm vụ được giao)	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm (2025 - 2030)	Các báo cáo kết quả phân tích và biện pháp xử lý theo từng lĩnh vực chuyên môn
4	Rà soát, bổ sung các hoạt động nhận diện, cảnh báo, phòng ngừa và kiểm soát các chất ô nhiễm, các tác nhân gây ô nhiễm tác động đến sức khỏe con người và sức khỏe động, thực vật	Viện Môi trường nông nghiệp	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm (2025 - 2030)	Báo cáo khoa học các tác nhân gây ô nhiễm tác động đến sức khỏe con người và sức khỏe động, thực vật
5	Quản lý và kiểm soát các nguồn phát sinh chất ô nhiễm khó phân huỷ và các chất độc hại (bao gồm cả các yếu tố vật lý như nhiệt độ, phóng xạ) theo vòng đời nhằm đảm bảo giảm thiểu khả năng chất ô nhiễm khó phân huỷ đi vào chuỗi thực phẩm	Viện Môi trường nông nghiệp	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm (2025 - 2030)	Báo cáo kết quả phân tích tác nhân nguồn phát sinh chất ô nhiễm khó phân huỷ và các chất độc hại
V	HÀI HÒA VỚI CÁC TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ VỀ SPS				
1	Rà soát, sửa đổi bổ sung, công bố và phổ biến các tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thực phẩm; xây dựng và công bố các tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thực phẩm của Việt Nam mà Ủy ban Tiêu chuẩn Thực phẩm Codex quốc tế chưa có hoặc không đáp ứng được yêu cầu thực tế của thị trường.	Các Cục: Bảo vệ Thực vật; Thú y; Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường (theo chức năng, nhiệm vụ được giao)	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm (2025 - 2030)	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo rà soát các quy định hiện hành về ATTP - Tỷ lệ tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản tương đương quy chuẩn quốc tế hướng tới đến năm 2025: đạt 70%; đến năm 2030: đạt 100%”.

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
2	Rà soát, sửa đổi bổ sung, công bố và phổ biến các quy định về kiểm dịch động vật (trên cạn và dưới nước) phù hợp với quy chuẩn, hướng dẫn và khuyến nghị của Tổ chức Thú y thế giới	Cục Thú y	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm (2025 - 2030)	Báo cáo rà soát các quy định hiện hành về kiểm dịch động vật
3	Rà soát, sửa đổi bổ sung, công bố và phổ biến các quy định về kiểm dịch thực vật phù hợp với quy chuẩn, hướng dẫn và khuyến nghị của Công ước Bảo vệ thực vật quốc tế	Cục Bảo vệ thực vật	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm (2025 - 2030)	Báo cáo rà soát các quy định hiện hành về kiểm dịch thực vật
VI	KIỂM TRA, GIÁM SÁT, KIỂM NGHIỆM, XÉT NGHIỆM, TRUY XUẤT NGUỒN GỐC SẢN PHẨM				
1	Rà soát, hoàn thiện chương trình ứng dụng công nghệ thông tin trong khai báo hồ sơ và cấp chứng thư điện tử	Trung tâm chuyên đổi số và Thống kê nông nghiệp	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2025 - 2030	Hệ thống khai báo hồ sơ và cấp chứng thư điện tử đối với các ngành hàng xuất khẩu của Bộ
2	Xây dựng và thực hiện Chương trình giám sát, đánh giá, cảnh báo nguy cơ mất an toàn thực phẩm và an toàn dịch bệnh trong nông sản thực phẩm	Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm (2025 - 2030)	Báo cáo kết quả hàng năm
3	Thực hiện truy xuất nguồn gốc đối với nông sản và thực phẩm xuất khẩu, áp dụng hệ thống mã số, mã vạch nhằm hỗ trợ cho việc truy xuất nguồn gốc và thu hồi sản phẩm khi có vấn đề mất an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh động thực vật.	Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm (2025 - 2030)	Báo cáo kết quả hàng năm
4	Xét nghiệm, kiểm nghiệm nông sản và thực phẩm xuất khẩu; đánh giá rủi ro đối với các	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm (2025 - 2030)	Báo cáo kết quả hàng năm

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
	môi nguy mất an toàn thực phẩm, sinh vật gây hại và dịch bệnh				
5	Kiểm tra, giám sát về an toàn thực phẩm và an toàn dịch bệnh động thực vật đối với các vùng nguyên liệu, các cơ sở sản xuất, chế biến và xuất khẩu nông sản thực phẩm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh/thành phố	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm (2025 - 2030)	Báo cáo kết quả hàng năm
VII	CÔNG NHẬN LẦN NHAU VỀ SPS				
1	Xây dựng, ban hành quy trình, thủ tục đánh giá và công nhận lẫn nhau về SPS theo các quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật, khuyến nghị quốc tế và Ủy ban SPS của WTO	Các Cục: Bảo vệ Thực vật; Thú y; Cục Chất lượng, Chế biến và PTTT (theo chức năng, nhiệm vụ được giao)	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm (2025 - 2030)	Báo cáo kết quả hàng năm
2	Tổ chức đàm phán, xây dựng các thỏa thuận công nhận lẫn nhau trong lĩnh vực SPS, công nhận lẫn nhau về hệ thống quản lý và giám sát, công nhận lẫn nhau đối với một biện pháp SPS hay nhiều biện pháp SPS	Văn phòng SPS Việt Nam	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm (2025 - 2030)	Báo cáo kết quả hàng năm
3	Tổ chức đàm phán và ký kết các thỏa thuận hợp tác song phương công nhận lẫn nhau về quản lý, giám sát đảm bảo an toàn thực phẩm và an toàn dịch bệnh động, thực vật và chứng nhận cho các mặt hàng nông sản và thực phẩm xuất khẩu	Văn phòng SPS Việt Nam	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm (2025 - 2030)	Báo cáo kết quả hàng năm

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
VIII	KIỆN TOÀN HỆ THỐNG SPS CỦA VIỆT NAM				
1	Kiện toàn cơ cấu tổ chức và chức năng nhiệm vụ của Văn phòng SPS Việt Nam	Văn phòng SPS Việt Nam	Vụ Tổ chức cán bộ	2024	- Trình Thủ tướng Chính phủ sửa Quyết định 99/2005/QĐ-TTg (rà soát, bổ sung đơn vị hỗ trợ kỹ thuật; KIỆN TOÀN CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA VĂN PHÒNG SPS VIỆT NAM); - Quyết định của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT phê duyệt Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Văn phòng SPS Việt Nam thay thế QĐ 5272/QĐ-BNN-TCCB ngày 18/12/2017
2	Nâng cao năng lực cho các điểm hỗ trợ kỹ thuật của Văn phòng SPS Việt Nam:				
2.1	Đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật cho các điểm hỗ trợ kỹ thuật của Văn phòng SPS Việt Nam	Vụ Kế hoạch	Các Cục: Bảo vệ Thực vật; Thú y; Thủy sản; Cục Chất lượng, Chế biến và PTTT và các đơn vị liên quan	2025 - 2026	Dự án đầu tư được phê duyệt và triển khai thực hiện
2.2	Đào tạo nguồn nhân lực cho các điểm hỗ trợ kỹ thuật của Văn phòng SPS Việt Nam và cơ quan, đơn vị liên quan về: - Kiểm nghiệm, kiểm chứng an toàn thực phẩm - Đánh giá nguy cơ và quản lý dựa trên nguy cơ	Vụ Tổ chức cán bộ	Các Cục: Bảo vệ Thực vật; Thú y; Thủy sản; Cục Chất lượng, Chế biến và PTTT và các đơn vị liên quan	Hàng năm (2025 - 2030)	100% cán bộ quản lý an toàn thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật các cấp được bồi dưỡng, cập nhật hàng năm về chuyên môn nghiệp vụ

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
	- Giám sát, kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm an toàn thực phẩm - Điều tra, truy xuất, xử lý sự cố an toàn thực phẩm				
3	Phát triển các điểm hỏi đáp SPS và hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hội, hiệp hội tại địa phương.	Văn phòng SPS Việt Nam	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố; Các cơ quan, đơn vị liên quan	2024 - 2025	100% các địa phương kiện toàn đầu mối hỏi đáp các quy định SPS của thị trường
4	Rà soát và sửa đổi Quy chế tổ chức và phối hợp hoạt động giữa Văn phòng SPS Việt Nam với các điểm hỗ trợ kỹ thuật tại các bộ, ngành cho phù hợp với yêu cầu của Hiệp định SPS của WTO và các Hiệp định thương mại tự do đã ký kết	Văn phòng SPS Việt Nam	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2024	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (Theo NQ01 của Chính phủ và Kế hoạch của Ban cán sự đảng Bộ)
5	Xây dựng, ban hành cơ chế điều phối giữa các cơ quan quản lý với các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan trong mở cửa thị trường nông, lâm, thủy sản, thực phẩm	Vụ Tổ chức cán bộ	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2024	Quyết định của cấp có thẩm quyền
6	Đề xuất bổ sung hoạt động phối hợp về lĩnh vực SPS vào Kế hoạch hành động giai đoạn 2023-2026 về Ngoại giao kinh tế đóng góp thúc đẩy phát triển ngành Nông nghiệp giữa Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Ngoại giao	Vụ Hợp tác Quốc tế	Văn phòng SPS Việt Nam và các cơ quan, đơn vị liên quan	2025-2026	Văn bản bổ sung Kế hoạch hành động giai đoạn 2023-2026 về Ngoại giao kinh tế đóng góp thúc đẩy phát triển ngành Nông nghiệp giữa Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Ngoại giao
7	Tăng cường minh bạch thông tin và nâng cao năng lực đàm phán, giải quyết tranh chấp thông qua việc xây dựng hệ thống, cơ	Văn phòng SPS Việt Nam	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2025 - 2030	- Các biện pháp SPS của Thành viên WTO được cập nhật, phân tích tác động kịp thời;

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
	chế trao đổi thông tin nhanh chóng, kịp thời, đặc biệt là thông báo các quy định mới, các biện pháp SPS, chia sẻ kinh nghiệm, đưa ra các giải thích về yêu cầu đối với biện pháp SPS áp dụng ...với các nước thành viên WTO, các đối tác thương mại.				- Các tài liệu hướng dẫn đáp ứng biện pháp SPS của Thành viên WTO, các đối tác thương mại
IX	KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ				
1	Nhóm các nhiệm vụ liên quan đến lĩnh vực trồng trọt:				
1.1	Tổ chức nghiên cứu xây dựng sổ tay và video hướng dẫn nhận diện và biện pháp quản lý đối tượng kiểm dịch thực vật trên một số cây ăn quả xuất khẩu chủ lực tại các tỉnh phía Nam	Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường	Viện Cây ăn quả miền Nam; Các trường đại học, học viện, viện nghiên cứu	2025 - 2030	Xây dựng 15 sổ tay và 15 video hướng dẫn nhận diện và biện pháp quản lý đối tượng kiểm dịch thực vật trên một số cây ăn quả xuất khẩu chủ lực đối với thị trường trọng điểm (Thị trường Trung Quốc: sầu riêng, thanh long, xoài, nhãn, mít); thị trường Châu Âu: cây thanh long, chuối, chanh, chanh leo); thị trường Hoa Kỳ: thanh long, xoài, bưởi, dứa); Thị trường Hàn Quốc: thanh long và xoài)
1.2	Tổ chức nghiên cứu thành phần loài và đặc điểm chính của một số đối tượng kiểm dịch thực vật làm cơ sở dữ liệu phục vụ công tác dự tính, dự báo và quản lý trên một số cây ăn quả xuất khẩu chủ lực tại các tỉnh phía Nam	Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường	Viện Cây ăn quả miền Nam; Các trường đại học, học viện, viện nghiên cứu	2025 - 2030	Báo cáo kết quả về xác định thành phần loài, đặc điểm hình thái, sinh học, sinh thái, diễn biến mật số, điều kiện phát sinh phát triển làm cơ sở dữ liệu phục vụ cho công tác dự tính, dự báo và quản lý một số đối tượng kiểm dịch thực vật trên cây sầu riêng, thanh long, xoài, nhãn tương

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
					ứng cho từng thị trường xuất khẩu (Trung Quốc, Châu Âu, Hoa Kỳ, Hàn Quốc) tại các tỉnh phía Nam
1.3	Tổ chức nghiên cứu xây dựng mô hình quản lý dịch hại tổng hợp (IPM/IPHM) tập trung vào các đối tượng kiểm dịch thực vật trước và sau thu hoạch trên một số cây ăn quả xuất khẩu chủ lực và tiềm năng tại các tỉnh phía Nam	Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường	Viện Cây ăn quả miền Nam; Các trường đại học, học viện, viện nghiên cứu	2025 - 2030	Xây dựng 12 mô hình mô hình điểm trình diễn quy trình quản lý dịch hại tổng hợp (IPM/IPHM) tập trung vào các đối tượng kiểm dịch thực vật trước và sau thu hoạch trên cây sầu riêng, thanh long, xoài, nhãn đáp ứng cho một số thị trường xuất khẩu trọng điểm (Trung Quốc, Châu Âu, Hoà Kỳ) tại các tỉnh phía Nam (diện tích 0,5 – 1,0 ha/mô hình)
1.4	Tổ chức nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu các loài sinh vật gây hại đối với cây ăn quả phục vụ góp ý các thông báo SPS của Thành viên WTO	Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường	Viện Cây ăn quả miền Nam; Các trường đại học, học viện, viện nghiên cứu	2025 - 2030	Báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học xây dựng cơ sở dữ liệu các loài sinh vật gây hại đối với một số cây ăn quả chủ lực phục vụ góp ý các thông báo SPS của Thành viên WTO góp phần đàm phán có hiệu quả trong việc xuất, nhập khẩu mặt hàng cây ăn quả của một số thị trường trọng điểm: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, EU, Hoa Kỳ,...
1.5	Tổ chức nghiên cứu xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp xanh và bền vững dựa trên việc sử dụng hợp lý các biện pháp bảo vệ thực vật	Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường	Viện Bảo vệ thực vật; Các trường đại học, học viện, viện nghiên cứu	2025 - 2030	Báo cáo kết quả thực hiện mô hình

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
1.6	Tổ chức nghiên cứu, điều tra, đánh giá mức độ xâm lấn của sinh vật ngoại lai và nguy cơ di trú của các đối tượng kiểm dịch thực vật	Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường	Viện Bảo vệ thực vật; Các trường đại học, học viện, viện nghiên cứu	2025 - 2030	Báo cáo khoa học đánh giá hiện trạng và biện pháp kiểm soát đối tượng ngoại lai và sinh vật gây hại thuộc nhóm kiểm dịch thực vật
1.7	Tổ chức nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật năng lượng nguyên tử phối hợp với các biện pháp sinh học nhằm quản lý sinh vật gây hại hỗ trợ xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ xanh và bền vững	Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường	Viện Bảo vệ thực vật; Các trường đại học, học viện, viện nghiên cứu	2025 - 2030	Báo cáo khoa học phân tích ưu thế ứng dụng khoa học kỹ thuật năng lượng nguyên tử nâng cao hiệu quả sử dụng nhóm ký sinh thiên địch, chế phẩm sinh học trong kiểm soát các đối tượng kiểm dịch thực vật và sinh vật hại mới nổi
1.8	Tổ chức nghiên cứu ứng dụng khoa học kỹ thuật xây dựng mô hình giảm phát thải và tạo tín chỉ carbon trong canh tác lúa bền vững tại Việt Nam	Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường	Học viện Nông nghiệp Việt Nam; Các trường đại học, viện nghiên cứu	2025-2028	03 mô hình giảm phát thải và tạo tín chỉ carbon trong canh tác lúa bền vững tại Việt Nam
2	Nhóm các nhiệm vụ liên quan đến lĩnh vực thủy sản:				
2.1	Tổ chức nghiên cứu thu gom chất hữu cơ từ rác thải sinh hoạt làm phân bón cải tạo và làm giàu thức ăn tự nhiên cho ao ương nuôi giống thủy sản	Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường	Viện Nghiên cứu nuôi trồng thủy sản I, II, III; Các trường đại học, học viện, viện nghiên cứu	2025 - 2030	Quy trình thu gom chất thải hữu cơ từ rác thải sinh hoạt; Quy trình xử lý chất hữu cơ làm phân bón cải tạo và mà giàu thức ăn tự nhiên cho các ao ương giống thủy sản; Mô hình ương giống thủy sản sử dụng nguyên liệu hữu cơ làm phân bón để tạo thức ăn tự nhiên.

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
2.2	Tổ chức nghiên cứu giải pháp nâng hiệu quả nuôi và chất lượng sản phẩm nhuyễn thể hai mảnh vỏ đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm	Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường	Viện Nghiên cứu nuôi trồng thủy sản I, II, III; Các trường đại học, học viện, viện nghiên cứu	2025 - 2030	Báo cáo đánh giá chất lượng vùng nuôi thương phẩm nhuyễn thể ảnh hưởng đến vệ sinh an toàn thực phẩm; Báo cáo giải pháp kỹ thuật nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm nhuyễn thể hai mảnh vỏ; Quy trình và các mô hình xử lý, nâng cao chất lượng kiểm soát vệ sinh an toàn thực phẩm sản phẩm nhuyễn thể hai mảnh vỏ sau khi thu hoạch
2.3	Tổ chức nghiên cứu xây dựng cơ sở khoa học khả năng lan truyền bệnh ở các vùng nuôi tôm hùm thương phẩm	Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường	Viện Nghiên cứu nuôi trồng thủy sản I, II, III; Các trường đại học, học viện, viện nghiên cứu	2025 - 2030	Báo cáo kết quả khả năng lây truyền bệnh trên tôm hùm
2.4	Tổ chức nghiên cứu xây dựng chuỗi liên kết một số đối tượng nhuyễn thể có giá trị kinh tế đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm	Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường	Viện Nghiên cứu nuôi trồng thủy sản I, II, III; Các trường đại học, học viện, viện nghiên cứu	2025 - 2030	Báo cáo kết quả xây dựng chuỗi liên kết một số đối tượng nhuyễn thể có giá trị kinh tế đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm
2.5	Tổ chức nghiên cứu ứng dụng công nghệ Biofloc kết hợp với các loại thảo phụ phẩm nông nghiệp trong quy trình ương nuôi cá nước ngọt tại Việt Nam đảm bảo an toàn sinh học	Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường	Học viện Nông nghiệp Việt Nam; Các trường đại học, viện nghiên cứu	2025-2028	02 mô hình và 02 quy trình ứng dụng công nghệ Biofloc kết hợp với các loại thảo phụ phẩm nông nghiệp trong quy trình ương nuôi cá nước ngọt

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
					ngọt tại Việt Nam đảm bảo an toàn sinh học
3	Nhóm các nhiệm vụ liên quan đến lĩnh vực chăn nuôi:				
3.1	Tổ chức nghiên cứu xây dựng mô hình chăn nuôi an toàn sử dụng độn lót sinh học tại một số tỉnh thành phía Bắc	Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường	Học viện Nông nghiệp Việt Nam; Các trường đại học, viện nghiên cứu	2025-2028	02 mô hình chăn nuôi an toàn sử dụng độn lót sinh học tại Thái Bình và Nam Định
3.2	Tổ chức nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ trong nghiên cứu giống kháng trong kỹ thuật chăn nuôi hoặc trồng trọt nhằm kiểm soát các đối tượng sinh vật gây hại trên cây trồng, vật nuôi.	Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường	Các trường đại học, học viện, viện nghiên cứu	2025 - 2030	Báo cáo khoa học lựa chọn giống kháng trong kỹ thuật chăn nuôi hoặc trồng trọt nhằm kiểm soát các đối tượng sinh vật gây hại trên cây trồng, vật nuôi; Lựa chọn 8-10 giống cây trồng, vật nuôi
3.3	Tổ chức nghiên cứu các biện pháp phòng chống dịch, bệnh có nguy cơ truyền từ động vật sang người	Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường	Học viện Nông nghiệp Việt Nam; Các trường đại học, viện nghiên cứu	2025-2030	Biện pháp phòng chống dịch, bệnh có nguy cơ truyền từ động vật sang người
4	Nhóm các nhiệm vụ liên quan đến lĩnh vực an toàn thực phẩm, chế biến, tăng trưởng xanh, chuỗi liên kết, phát triển bền vững...				
4.1	Tổ chức xây dựng các mô hình khoa học ứng dụng công nghệ để kiểm soát sinh vật gây hại; xây dựng các mô hình nông nghiệp an toàn, nông nghiệp xanh, nông nghiệp tuần hoàn, canh tác giảm thiểu phát thải khí nhà kính, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp	Trung tâm Khuyến nông quốc gia	Các trường đại học, học viện, viện nghiên cứu và các Sở nông nghiệp và PTNT	2025 - 2030	Báo cáo kết quả thực hiện các mô hình

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
	bền vững; xây dựng các mô hình liên kết các chuỗi giá trị; xây dựng các mô hình về cộng đồng tham gia sản xuất an toàn.				
4.2	Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ về cơ sở khoa học để xây dựng các mức dư lượng tối đa cho phép (MRL)	Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường	Các trường đại học, học viện, viện nghiên cứu	2025 - 2030	Báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học xây dựng mức MRL của một số hoạt chất thuốc BVTV và kháng sinh tương đương phục vụ kiểm soát chất lượng nông sản thực phẩm và đàm phán thay đổi MRL của một số thị trường nhập khẩu trọng điểm: EU, Nhật Bản, Hàn Quốc, Hoa Kỳ...; đề xuất cơ quan có thẩm quyền ban hành
4.3	Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ về kiểm soát sinh vật gây hại	Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường	Các trường đại học, học viện, viện nghiên cứu	2025 - 2030	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo khoa học về các giải pháp khoa học công nghệ để kiểm soát sinh vật gây hại bảo vệ sức khỏe động thực vật trong nước, đồng thời đáp ứng yêu cầu thị trường nhập khẩu; - Xây dựng các mô hình ứng dụng theo thị trường nhập khẩu.
4.4	Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ để đánh giá tác động đối với một số biện pháp mới của thành viên WTO nhằm hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua rào cản và có cơ sở khoa học trong trường hợp xảy ra tranh chấp thương mại	Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường	Các trường đại học, học viện, viện nghiên cứu	2025 - 2030	Báo cáo khoa học đánh giá tác động đối với một số biện pháp SPS của thành viên WTO nhằm hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua rào cản và có cơ sở khoa học trong trường hợp xảy ra tranh chấp thương mại

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
4.5	Tổ chức nghiên cứu xác định, phân loại các yếu tố rủi ro và biện pháp kiểm soát yếu tố rủi ro về an toàn vệ sinh thực phẩm ở đối tượng nuôi thủy sản	Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường	Các trường đại học, học viện, viện nghiên cứu	2025 - 2030	Báo cáo khoa học đánh giá hiện trạng và xếp loại yếu tố rủi ro về an toàn vệ sinh thực phẩm ở đối tượng thủy sản Báo cáo khoa học đề xuất giải pháp kiểm soát yếu tố rủi ro ở đối tượng thủy sản
4.6	Tổ chức thực hiện nhiệm vụ KHCN về giải pháp sơ chế, bảo quản kết hợp các biện pháp xử lý kiểm dịch thực vật đối với nông sản, thực phẩm đáp ứng các yêu cầu SPS	Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường	Viện Cơ điện nông nghiệp và Công nghệ Sau thu hoạch; Các trường đại học, học viện, viện nghiên cứu	2025-2027	Báo cáo khoa học về giải pháp sơ chế, bảo quản kết hợp các biện pháp xử lý kiểm dịch thực vật đối với nông sản, thực phẩm đáp ứng các yêu cầu SPS
4.7	Tổ chức nghiên cứu giải pháp chuyển đổi sang nền nông nghiệp sinh thái, thích ứng biến đổi khí hậu	Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường	Học viện Nông nghiệp Việt Nam; Các trường đại học, viện nghiên cứu	2025-2030	Bộ quy trình và phương pháp chuyển đổi nông nghiệp công nghiệp hoá sang nông nghiệp sinh thái phù hợp theo 7 vùng sinh thái nông nghiệp. Trình diễn 7 nhóm mô hình chuyển đổi từ nông nghiệp thâm canh sang nông nghiệp sinh thái gắn với thích ứng BĐKH và giảm thiểu phát thải khí nhà kính theo 7 vùng sinh thái nông nghiệp
4.8	Tổ chức nghiên cứu, chuyển giao các gói kỹ thuật canh tác, công nghệ bảo đảm giảm phát thải khí nhà kính trong trồng trọt, chăn nuôi.	Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường	Học viện Nông nghiệp Việt Nam; Các trường	2025-2030	- Báo cáo kết quả thực hiện các gói kỹ thuật trong trồng trọt, chăn nuôi; - Các mô hình trình diễn

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
			đại học, viện nghiên cứu		
4.9	Tổ chức nghiên cứu ảnh hưởng của các chất ô nhiễm đối với sức khỏe con người thông qua thực phẩm, biện pháp phòng chống	Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường	Học viện Nông nghiệp Việt Nam; Các trường đại học, viện nghiên cứu	2025-2030	Biện pháp phòng chống các chất ô nhiễm đối với sức khỏe con người thông qua thực phẩm.
4.10	Tổ chức nghiên cứu ứng dụng AI trong giám sát, phát hiện, kiểm soát, cảnh báo sinh vật gây hại và dịch bệnh	Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường	Học viện Nông nghiệp Việt Nam; Các trường đại học, viện nghiên cứu	2025-2030	Mô hình ứng dụng AI trong giám sát, phát hiện, kiểm soát, cảnh báo sinh vật gây hại và dịch bệnh
X	CÁC NHIỆM VỤ LIÊN QUAN KHÁC				
1	Tăng cường công tác theo dõi, dự báo và thông báo sớm khả năng các đối tác thương mại đưa ra các quy định mới về SPS	Văn phòng SPS Việt Nam	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm (2025 - 2030)	Báo cáo Lãnh đạo Bộ định kỳ hàng Quý
2	Phối hợp, liên kết giữa các cơ quan quản lý nhà nước về SPS của Việt Nam với các cơ quan hữu quan của các quốc gia/vùng lãnh thổ nhằm tăng cường hợp tác trong lĩnh vực SPS	Vụ Hợp tác Quốc tế	Văn phòng SPS Việt Nam và các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm (2025 - 2030)	Báo cáo đánh giá hàng năm
3	Xây dựng quy chế phối hợp giữa Văn phòng SPS Việt Nam, các cơ quan, đơn vị liên quan và các hiệp hội, ngành hàng	Văn phòng SPS Việt Nam	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2025	Quy chế phối hợp Văn phòng SPS Việt Nam, các cơ quan, đơn vị liên quan và các hiệp hội, ngành hàng